

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 02/2021**

Tháng 07 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
KỸ THUẬT TP.HCM**  
03A Nguyễn Văn Thủ, P Đakao, Q1  
TP Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.3622 1025 Fax: 028.3636 7100

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Số: 390/2021/CV-CII**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2021*

*V/v: giải trình tăng/giảm kết quả hoạt động  
kinh doanh hợp nhất quý 2/2021 so với cùng  
kỳ năm trước*

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh hợp nhất quý 2 năm 2021 của Công ty CII như sau:

Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ quý 2 năm 2021 trên Báo cáo tài chính hợp nhất đạt 12,9 tỷ đồng, tăng 3,9 tỷ đồng so với số cùng kỳ năm trước chủ yếu là do các nguyên nhân sau đây:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ở các Công ty trong tập đoàn tăng mạnh 119,9 tỷ đồng do một số công trình, dự án đầu tư đã hoàn thành được ghi nhận trong kỳ.
- Tuy nhiên chi phí tăng với tổng số xấp xỉ số tăng của lợi nhuận gộp chủ yếu là do tăng chi phí lãi vay và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chi tiết về báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2021 vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ QUỐC BÌNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 2 NĂM 2021**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.812.726.874.066</b>	<b>10.957.164.123.556</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>396.301.388.526</b>	<b>438.747.507.744</b>
1. Tiền	111		270.701.388.526	285.274.641.990
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.600.000.000	153.472.865.754
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>653.980.206.875</b>	<b>670.110.345.806</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.14.a	615.576.040.000	615.576.040.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.14.d	38.404.166.875	54.534.305.806
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.139.490.461.487</b>	<b>4.995.625.025.151</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.459.753.077.784	1.288.684.432.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.a	813.811.221.361	831.935.622.822
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	1.519.862.551.653	1.601.136.209.064
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	1.432.204.028.020	1.353.334.978.163
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(87.172.730.002)	(80.498.529.701)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.032.312.671	1.032.312.671
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>5.400.198.627.295</b>	<b>4.685.547.638.419</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.400.198.627.295	4.685.547.638.419
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>222.756.189.883</b>	<b>167.133.606.436</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	47.947.116.374	17.372.005.664
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		144.845.219.622	123.175.537.431
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19.a	29.963.853.887	26.586.063.341

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

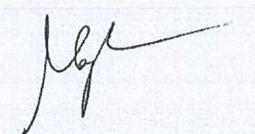
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.457.889.333.037</b>	<b>18.589.869.977.942</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.562.006.473.362</b>	<b>3.361.131.514.777</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3.b	7.164.118.924	39.576.530.875
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	1.637.780.000.000	1.565.280.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.917.062.354.438	1.756.274.983.902
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.443.021.254.226</b>	<b>5.416.924.528.489</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.138.939.570.726	2.185.216.948.837
- Nguyên giá	222		2.957.819.868.680	2.950.666.799.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(818.880.297.954)	(765.449.850.933)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.358.495.733	1.504.274.943
- Nguyên giá	225		2.040.909.091	2.040.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(682.413.358)	(536.634.148)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.302.723.187.767	3.230.203.304.709
- Nguyên giá	228		9.079.610.625.304	5.819.914.913.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.776.887.437.537)	(2.589.711.609.116)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>58.600.538.470</b>	<b>59.827.785.268</b>
- Nguyên giá	231		73.623.018.369	73.623.018.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.022.479.899)	(13.795.233.101)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.322.199.778.719</b>	<b>5.774.849.874.291</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.322.199.778.719	5.774.849.874.291
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.14</b>	<b>1.423.838.786.339</b>	<b>1.402.677.544.983</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	V.14.b	991.283.781.339	970.121.439.983
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14.c	409.045.005.000	409.046.105.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14.c	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14.d	26.510.000.000	26.510.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.648.222.501.921</b>	<b>2.574.458.730.134</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	1.104.199.475.544	924.726.786.186
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15.a	306.819.248.002	293.209.063.566
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.677.425.082	9.691.015.076
4. Lợi thế thương mại	269	V.16	1.227.526.353.293	1.346.831.865.306
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>30.270.616.207.103</b>	<b>29.547.034.101.498</b>



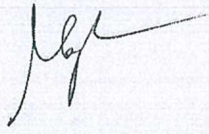
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021		01/01/2021	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.487.382.272.417</b>		<b>21.761.422.303.679</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.214.030.848.716</b>		<b>8.293.105.685.208</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	352.702.016.011		388.703.079.182	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	1.681.191.692.331		1.605.766.205.859	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19.b	342.797.887.412		419.423.823.652	
4. Phải trả người lao động	314		17.026.610.022		29.504.072.458	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	501.302.417.149		531.988.164.182	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.635		-	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21.a	1.839.955.820.583		1.984.616.012.440	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22.a	4.426.655.496.854		3.302.930.928.871	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		52.262.544.719		30.173.398.564	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.273.351.423.701</b>		<b>13.468.316.618.471</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21.b	37.181.977.353		42.687.706.353	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22.b	13.074.035.169.325		13.275.323.006.793	
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15.b	157.421.264.836		145.306.871.098	
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.713.012.187		4.999.034.227	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.783.233.934.686</b>		<b>7.785.611.797.819</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>7.783.233.934.686</b>		<b>7.785.611.797.819</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.832.095.780.000		2.831.681.520.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.832.095.780.000		2.831.681.520.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		425.102.849.416		424.573.109.416	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.660.084.447		6.660.084.447	
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.027.507.990.369)		(1.027.507.990.369)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		259.342.605.111		245.952.550.429	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.239.531.742.164		2.310.477.430.254	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.245.862.905.796		2.151.027.044.423	
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(6.331.163.632)		159.450.385.831	
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.048.008.863.917		2.993.775.093.642	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>30.270.616.207.103</b>		<b>29.547.034.101.498</b>	



Mai Thị Thu Phương  
 Người lập biểu  
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021



Mai Thị Thu Phương  
 Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 2 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ 01/01 ĐẾN 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.094.031.846.661	660.957.595.711	2.062.823.192.457	1.151.918.633.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	25.176.154.683	5.124.940.154	30.419.086.472	24.064.249.558
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.068.855.691.978</b>	<b>655.832.655.557</b>	<b>2.032.404.105.985</b>	<b>1.127.854.384.148</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	686.492.483.847	393.345.143.423	1.335.906.866.503	681.526.034.662
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>382.363.208.131</b>	<b>262.487.512.134</b>	<b>696.497.239.482</b>	<b>446.328.349.486</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	246.030.409.001	251.619.483.406	434.111.677.263	826.695.423.208
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	362.911.971.897	322.463.570.745	649.225.855.409	574.225.513.826
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		269.220.319.512	214.968.152.535	531.102.132.286	443.369.151.794
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.14.b	(11.942.968.026)	(368.975.735)	6.063.163.274	(11.029.429.907)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.917.593.922	9.719.129.950	32.639.248.860	17.959.955.749
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	119.335.347.817	134.828.599.506	240.354.469.239	257.954.527.778
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>111.285.735.470</b>	<b>46.726.719.604</b>	<b>214.452.506.511</b>	<b>411.854.345.434</b>



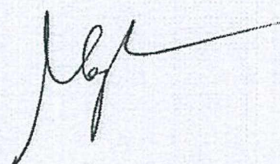
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ 01/01 ĐẾN 30/06		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
	1	2	3	4	5	6	7
12. Thu nhập khác	31	VI.7		19.620.852.853	19.757.401.872	22.929.621.435	24.829.984.360
13. Chi phí khác	32	VI.8		(3.875.837.573)	(24.987.212.677)	4.449.589.745	11.149.375.849
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>			<b>23.496.690.426</b>	<b>44.744.614.549</b>	<b>18.480.031.690</b>	<b>13.680.608.511</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>			<b>134.782.425.896</b>	<b>91.471.334.153</b>	<b>232.932.538.201</b>	<b>425.534.953.945</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		64.758.130.159	479.061.648	129.474.174.995	70.877.483.395
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.15.b		13.203.193.235	(13.489.647.023)	(1.440.614.698)	(24.651.568.826)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>			<b>56.821.102.502</b>	<b>104.481.919.528</b>	<b>104.898.977.904</b>	<b>379.309.039.376</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			12.921.599.073	8.989.164.132	17.332.652.938	254.947.992.200
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			43.899.503.429	95.492.755.396	87.566.324.966	124.361.047.176
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>		<b>51</b>	<b>51</b>	<b>69</b>	<b>994</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



Mai Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Mai Thị Thu Phương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 2 năm 2021

Đơn vị: VND

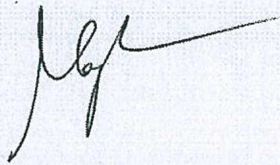
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	232.932.538.201	425.534.953.945
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	363.377.496.755	304.883.652.350
Các khoản dự phòng	03	6.674.200.301	16.388.817.334
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.508.405	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(228.477.478.458)	(677.671.998.946)
Chi phí lãi vay	06	582.853.873.302	485.049.515.244
Các khoản điều chỉnh khác	07	(60.178.905.041)	(128.681.256.353)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	897.187.233.465	425.503.683.574
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(311.610.472.392)	(126.963.514.781)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(209.315.490.897)	(339.152.489.537)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(217.034.687.156)	(16.796.846.823)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(108.747.162.035)	(72.597.725.452)
Tiền lãi vay đã trả	14	(698.821.120.086)	(743.780.924.726)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(122.564.842.705)	(29.950.569.076)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.217.013.810)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(802.123.555.616)</b>	<b>(903.738.386.821)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(296.088.089.510)	(222.215.183.356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	980.614.001	8.009.070.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(176.342.644.718)	(899.473.053.524)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	224.660.776.431	313.320.390.141
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.693.920.006)	(1.356.730.277.982)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	103.901.100.000	1.648.700.722.166
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.896.820.750	75.990.864.119
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(139.685.343.052)</b>	<b>(432.397.467.527)</b>



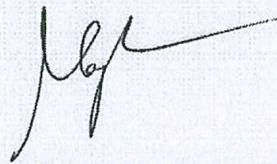
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 2 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	103.157.600
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(175.510.116.869)
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.405.300.639.920	5.260.225.913.771
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.504.187.891.790)	(3.617.282.219.059)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(78.233.766)	(281.142.858)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.671.734.914)	(70.036.049.819)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>899.362.779.450</b>	<b>1.397.219.542.766</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(42.446.119.218)</b>	<b>61.083.688.418</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>438.747.507.744</b>	<b>636.526.058.521</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>396.301.388.526</b>	<b>697.609.746.939</b>



Mai Thị Thu Phương  
Người lập biểu



Mai Thị Thu Phương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và điều chỉnh lần thứ 26 ngày 8 tháng 6 năm 2020 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.832.095.780.000 VND, chia thành 283.209.578 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; kinh doanh bất động sản; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,79%	54,79%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Tp. Hồ Chí Minh	93,70%	93,70%	Đầu tư và kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước môi trường
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	80,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
5. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
8. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cho thuê văn phòng
10. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T Cầu Bình Triệu
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPIL)	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
12. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp 49% quyền biểu quyết và nắm giữ gián tiếp 51% thông qua Công ty CII B&R (xem thuyết minh dưới đây).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty khác thông qua các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&amp;R</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (SGBC)	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuận)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng và thu phí giao thông hoàn vốn cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	50,53%	50,53%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b>Công ty liên doanh</b>				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bày****Công ty con**

1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh nhà và bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	90,00%	90,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

**Công ty liên kết**

1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
--	----------------	--------	--------	--

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII****Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&C****Công ty con**

1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
--	-----------------	------	------	---

**Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII****Công ty con**

1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	55,00%	55,00%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ
-------------------------------------	-----------------	--------	--------	--

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ**

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho mỗi loại chứng khoán khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho****Hàng hóa bất động sản**

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

**Hàng tồn kho khác**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc và thiết bị

Số năm  
8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông có được từ các hợp đồng B.O.T ký giữa Công ty và các cơ quan đại diện của Nhà nước được ghi nhận theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của quyền thu phí giao thông tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Quyền khai thác các loại khoáng sản mà Công ty có được từ việc mua công ty con được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý của số tiền mà công ty con phải nộp cho UBND địa phương để có được quyền khai thác trong suốt thời gian được phép khai thác. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, trung tâm thương mại và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là trung tâm thương mại và các vật kiến trúc khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Số năm
Trung tâm thương mại	30
Hồ bơi và sân quần vợt	10 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất dài hạn không trích khấu hao theo quy định hiện hành. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T chờ phân bổ, các chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình, chi phí nhà mẫu và môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay của các dự án B.O.T là chi phí của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không đủ điều kiện vốn hóa vào nguyên giá tài sản hoặc phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

**Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ**

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

**Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá**

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

**Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian được khai thác mỏ.

Chi phí môi giới, chi phí nhà mẫu của các dự án kinh doanh bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao nhà cho khách hàng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí in vé cầu đường, chi phí sửa chữa duy tu trạm thu phí giao thông, mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

**Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)**

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ**

Doanh thu từ hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

**Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T**

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

**Doanh thu bán bất động sản đầu tư**

Doanh thu bán bất động sản đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản đầu tư;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Quý 2 năm 2021***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)**Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

**Tiền lãi**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư**

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện và Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Quý 2 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận giá vốn*****Bất động sản đã bán***

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Giá vốn bán bất động sản đầu tư bao gồm giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm bán và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch bán bất động sản.

***Hàng hóa và dịch vụ khác***

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2021**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	10.702.672.298	5.816.134.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.580.011.958	279.458.507.124
Tiền đang chuyển	418.704.270	-
Các khoản tương đương tiền	125.600.000.000	153.472.865.754
<b>Cộng</b>	<b>396.301.388.526</b>	<b>438.747.507.744</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng với thời hạn gốc không quá 3 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua căn hộ, đất nền	859.581.876.362	595.666.654.912
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp	411.135.359.578	514.135.359.578
Ông Nguyễn Trường Sơn (i)	323.314.425.000	416.014.425.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Kalas (i)	35.923.825.000	46.223.825.000
Các đối tượng khác	51.897.109.578	51.897.109.578
Phải thu khách hàng khác	189.035.841.844	178.882.417.642
<b>Cộng</b>	<b>1.459.753.077.784</b>	<b>1.288.684.432.132</b>

(i) Đây là số dư thể hiện giá trị khoản phải thu về việc chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH City Garden Thủ Thiêm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T, B.T:</b>	<b>173.150.376.234</b>	<b>198.698.314.638</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	144.502.765.082	144.502.765.082
Các nhà thầu khác	28.647.611.152	54.195.549.556
<b>Trả trước tiền mua khoản đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.820.497.512</b>	<b>5.820.497.512</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>634.840.347.615</b>	<b>627.416.810.672</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	192.841.775.900	192.841.775.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	69.042.725.683	77.476.147.460
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Ricons	-	77.485.330.499
Các đối tượng khác	372.955.846.032	279.613.556.813
<b>Cộng</b>	<b>813.811.221.361</b>	<b>831.935.622.822</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Nam Thịnh	-	7.582.456.295
Các đối tượng khác	7.164.118.924	31.994.074.580
<b>Cộng</b>	<b>7.164.118.924</b>	<b>39.576.530.875</b>
<b>Tổng cộng trả trước cho người bán</b>	<b>820.975.340.285</b>	<b>871.512.153.697</b>

(i) Đây là khoản tạm ứng theo hợp đồng để thực hiện môi giới bán căn hộ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	548.371.766.779	549.594.277.812
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (ii)	222.412.131.222	211.115.072.497
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	330.737.829.377	359.378.180.392
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	147.928.209.452	184.640.000.000
Công ty Cổ phần Pearl City	90.240.000.000	62.000.000.000
Các đối tượng khác	180.172.614.823	234.408.678.363
<b>Cộng</b>	<b>1.519.862.551.653</b>	<b>1.601.136.209.064</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các bên liên quan (*)	1.637.780.000.000	1.550.280.000.000
Các đối tượng khác	-	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.637.780.000.000</b>	<b>1.565.280.000.000</b>
<b>Tổng cộng phải thu về cho vay</b>	<b>3.157.642.551.653</b>	<b>3.166.416.209.064</b>

**(\*) Chi tiết phải thu các bên liên quan**

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận (iii)	1.637.780.000.000	1.550.280.000.000
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	8.446.874.124	4.852.310.630
<b>Cộng</b>	<b>1.646.226.874.124</b>	<b>1.555.132.310.630</b>

**Thông tin bổ sung cho các số dư trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:**

- (i) Số dư cuối kỳ bao gồm khoản hỗ trợ để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận) là 531.425.250.000 đồng. Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là khoảng 10,5%/năm đến 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Bên nhận hỗ trợ cam kết ngay khi nhận được các khoản phân chia từ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu hoặc ngay khi thu xếp được tài chính sẽ thực hiện hoàn trả nợ cho Công ty. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn của Khánh An trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
- (iii) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận theo hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2017 để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng tương đương thời gian thu phí của dự án. Lãi suất được áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	375.774.621.616	340.969.404.759
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	207.574.337.846	231.615.465.625
Tạm ứng lợi nhuận cho các nhà đầu tư	201.468.637.017	168.268.637.017
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố, ký quỹ	180.293.057.230	187.955.281.675
Tạm ứng tiền bồi thường do hỏa hoạn (xem thêm tại thuyết minh số VII.1)	108.565.750.348	104.438.750.348
Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	48.545.988.565	70.527.033.677
Phải thu người lao động	86.587.013.726	60.964.283.336
Các khoản chi hộ	53.275.014.816	7.013.695.410
Phải thu phạt vi phạm hợp đồng	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	21.963.695.339
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (i)	21.386.433.051	20.499.760.615
Cổ tức và lợi nhuận được chia	9.451.983.645	9.451.983.645
Tiền sử dụng đất nộp thừa chờ quyết toán	-	20.547.700.682
Các khoản phải thu khác	88.129.367.560	79.119.286.035
<b>Cộng</b>	<b>1.432.204.028.020</b>	<b>1.353.334.978.163</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Lãi vốn chủ của các dự án B.O.T (i)	1.441.867.818.141	1.382.575.585.536
Lãi cho vay (ii)	383.673.912.157	282.977.546.978
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	52.699.859.488	52.812.859.488
Thu nhập tài chính khác từ hợp đồng BOT	38.820.764.652	37.908.991.900
<b>Cộng</b>	<b>1.917.062.354.438</b>	<b>1.756.274.983.902</b>
<b>Tổng cộng phải thu khác</b>	<b>3.349.266.382.458</b>	<b>3.109.609.962.065</b>
<b>(ii) Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	383.673.912.157	282.977.546.978



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(i) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.404.192.326.858	1.333.654.225.729
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	31.575.078.850	41.047.602.502
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	27.486.845.484	28.373.517.920
	<b>1.463.254.251.192</b>	<b>1.403.075.346.151</b>
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(21.386.433.051)	(20.499.760.615)
<b>Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới</b>	<b>1.441.867.818.141</b>	<b>1.382.575.585.536</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Quý 2 năm 2021*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	53.053.304.837	7.707.057.742	(45.346.247.095)	49.876.022.036	6.721.972.344	(43.154.049.692)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.376.718.884	225.465.191	(3.151.253.693)	2.625.168.246	58.122.545	(2.567.045.701)
Phải thu về cho vay	8.099.119.562	1.623.404.466	(6.475.715.096)	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	46.360.842.167	14.161.328.049	(32.199.514.118)	51.213.152.797	16.435.718.489	(34.777.434.308)
<b>Cộng</b>	<b>110.889.985.450</b>	<b>23.717.255.448</b>	<b>(87.172.730.002)</b>	<b>103.714.343.079</b>	<b>23.215.813.378</b>	<b>(80.498.529.701)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.927.059.390	-	26.081.544.091	-
Công cụ, dụng cụ	1.400.470.961	-	1.432.905.138	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.271.375.278.118	-	4.516.617.018.225	-
<i>Bất động sản dở dang (i)</i>	4.627.846.851.422	-	3.847.286.553.590	-
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	531.513.234.085	-	556.268.974.695	-
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	36.473.236.709	-	37.519.534.038	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	75.541.955.902	-	75.541.955.902	-
Bất động sản hoàn thành chờ bán	80.287.755.154	-	91.322.476.890	-
Thành phẩm	14.604.139.165	-	13.958.757.111	-
Hàng hóa	11.603.924.507	-	36.134.936.964	-
<b>Cộng</b>	<b>5.400.198.627.295</b>	<b>-</b>	<b>4.685.547.638.419</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho** (tiếp theo)

(i) Bất động sản dở dang bao gồm chi phí đầu tư và phát triển của các dự án sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án khu nhà ở chung cư tại lô 3.15	1.834.532.372.391	1.199.803.870.175
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden III	823.336.776.239	809.180.484.515
Dự án khu căn hộ cao tầng NBB Garden II	783.317.177.253	732.830.735.962
Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi (i)	415.771.861.575	535.721.144.515
Dự án Cao ốc 152 Điện Biên Phủ	300.624.199.225	232.438.179.533
Dự án khu du lịch De - Lagi	260.956.036.176	181.710.251.529
Dự án khu nhà ở chung cư tại lô 3.2	136.960.032.027	-
Dự án Citygate	14.719.834.263	98.499.905.088
Các dự án khác	57.628.562.273	57.101.982.273
<b>Cộng</b>	<b>4.627.846.851.422</b>	<b>3.847.286.553.590</b>

(i) Công ty NBB, công ty con của Công ty, đã thực hiện hợp tác đầu tư dự án Khu dân cư Sơn Tịnh – Quảng Ngãi với Công ty Cổ phần Pearl City. Trong đó, Công ty Cổ phần Pearl City tham gia đầu tư bằng việc đóng góp, phát triển và kinh doanh dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí quản lý, lưu ký trái phiếu	28.620.067.846	-
Phí cam kết rút vốn	7.030.487.805	4.802.153.111
Chi phí hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	5.050.351.000
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	2.737.313.668	1.679.182.921
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	364.376.204	654.292.547
Chi phí khác chờ phân bổ	5.105.504.851	5.186.026.085
<b>Cộng</b>	<b>47.947.116.374</b>	<b>17.372.005.664</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án BOT chờ phân bổ (i)	757.621.641.031	639.183.755.353
Lãi vay các dự án BOT chờ thu phí	165.476.360.650	123.895.420.334
Chi phí hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh (ii)	58.233.426.469	54.184.198.305
Chi phí sửa chữa, trùng tu cầu đường	39.601.551.339	23.623.488.952
Chi phí hoa hồng môi giới bất động sản	29.702.565.607	28.527.027.808
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	16.618.668.826	17.493.335.608
Chi phí đền bù, trùng tu và cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	6.996.974.493	9.929.953.587
Chi phí lắp đặt hệ thống hạ tầng nước	6.336.029.161	9.081.387.936
Chi phí khác chờ phân bổ	23.612.257.968	18.808.218.303
<b>Cộng</b>	<b>1.104.199.475.544</b>	<b>924.726.786.186</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>1.152.146.591.918</b>	<b>942.098.791.850</b>
<b>(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:</b>		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	462.620.641.708	405.608.245.218
Dự án cầu Cổ Chiên	182.348.858.912	156.444.199.134
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	65.790.925.252	77.131.311.001
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	46.861.215.159	-
<b>Cộng</b>	<b>757.621.641.031</b>	<b>639.183.755.353</b>

(i) Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 14%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 12,46%; Dự án cầu Cổ Chiên là 11% và Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 11%. Tỷ lệ phân bổ của dự án chờ thu phí sẽ được xác định khi dự án chính thức thu phí hoàn vốn đầu tư.

(ii) Đây là khoản lợi nhuận trả trước cho Công ty Cổ phần Pearl City liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh như đã trình bày tại Thuyết minh số V.7.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2021	482.992.271.416	267.200.894.566	2.192.448.886.884	8.024.746.904	2.950.666.799.770
Mua trong kỳ	-	4.483.315.414	5.830.933.000	411.609.091	10.725.857.505
Đầu tư XD/CB hoàn thành	109.090.909	1.711.540.909	1.651.096.217	-	3.471.728.035
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.909.391.630)	(135.125.000)	(7.044.516.630)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>483.101.362.325</b>	<b>273.395.750.889</b>	<b>2.193.021.524.471</b>	<b>8.301.230.995</b>	<b>2.957.819.868.680</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2021	143.452.550.195	182.227.549.597	433.816.769.840	5.952.981.301	765.449.850.933
Khấu hao trong kỳ	8.672.023.360	5.558.830.140	40.671.445.334	620.831.479	55.523.130.313
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.957.558.292)	(135.125.000)	(2.092.683.292)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>152.124.573.555</b>	<b>187.786.379.737</b>	<b>472.530.656.882</b>	<b>6.438.687.780</b>	<b>818.880.297.954</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2021	339.539.721.221	84.973.344.969	1.758.632.117.044	2.071.765.603	2.185.216.948.837
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>330.976.788.770</b>	<b>85.609.371.152</b>	<b>1.720.490.867.589</b>	<b>1.862.543.215</b>	<b>2.138.939.570.726</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	2.040.909.091
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>536.634.148</b>
Khấu hao trong kỳ	145.779.210
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>682.413.358</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>1.504.274.943</b>
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.358.495.733</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	5.771.497.601.633	38.370.796.482	10.046.515.710	5.819.914.913.825
Mua trong kỳ	-	-	205.000.000	205.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.259.490.711.479	-	-	3.259.490.711.479
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>9.030.988.313.112</b>	<b>38.370.796.482</b>	<b>10.251.515.710</b>	<b>9.079.610.625.304</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2021	2.584.278.924.257	122.847.529	5.309.837.330	2.589.711.609.116
Khấu hao trong kỳ	186.446.561.386	-	729.267.035	187.175.828.421
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.770.725.485.643</b>	<b>122.847.529</b>	<b>6.039.104.365</b>	<b>2.776.887.437.537</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2021	3.187.218.677.376	38.247.948.953	4.736.678.380	3.230.203.304.709
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>6.260.262.827.469</b>	<b>38.247.948.953</b>	<b>4.212.411.345</b>	<b>6.302.723.187.767</b>

Nguyên giá quyền thu phí giao thông đã hoàn đủ vốn đầu tư và chờ thanh lý với cơ quan Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 1.058.840.204.896 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

Thông tin về các dự án BOT đang thu phí hoàn vốn đầu tư như sau:

**a. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 581.138.260.482 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Thời gian thu phí của dự án dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 6 năm 2023. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 43% doanh thu thu phí của dự án. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

**b. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.644.334.550.401 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 16,02% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

**c. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**d. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu**

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 495.607.637.262 VND. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 12 năm 3 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 32%.

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con.

Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

**e. Quyền thu phí giao thông cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 752.313.769.586 VND, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án.

**f. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 3.259.490.711.479 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 37,46%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí giao thông này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*chi tiết xem tại Thuyết minh V.22*).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Dự án BOT ngừng thu phí chờ thanh lý**

Công ty đã được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với UBND thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ngưng thu phí và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá của tài sản đang chờ thanh lý là 1.058.840.204.896 VND.

**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	5.836.987.368	67.786.031.001	73.623.018.369
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	839.830.635	12.955.402.466	13.795.233.101
Khấu hao trong kỳ	-	1.227.246.798	1.227.246.798
Tại ngày 30/06/2021	<b>839.830.635</b>	<b>14.182.649.264</b>	<b>15.022.479.899</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	4.997.156.733	54.830.628.535	59.827.785.268
Tại ngày 30/06/2021	<b>4.997.156.733</b>	<b>53.603.381.737</b>	<b>58.600.538.470</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

- Khu trung tâm thương mại và hệ thống hồ bơi, sân quần vợt cho thuê thuộc Chung cư Carina Plaza, 1648 Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm thương mại Carina đã được Công ty thế chấp cho khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu (xem thêm tại thuyết minh V.22).
- Lô đất tại địa chỉ 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh chờ tăng giá. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19 tháng 1 năm 2056) theo Quyết định 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá trị thị trường của những tài sản tương đương và tỷ lệ cho thuê hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có sự suy giảm giá trị của các bất động sản này cần được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án B.O.T Quốc lộ 60 (i)	1.152.097.898.266	1.152.097.898.266
Dự án Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ theo hình thức B.O.T kết hợp B.T	757.219.150.035	590.424.868.561
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (ii)	293.398.120.566	316.703.003.071
Các dự án bất động sản được khai thác từ hợp đồng B.T trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	63.310.531.443	257.625.484.346
Giá trị quyền sử dụng đất nhận được từ hợp đồng B.T (ii)	22.982.042.756	269.300.842.756
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (iii)	-	3.147.254.163.093
Các dự án khác	33.192.035.653	41.443.614.198
<b>Cộng</b>	<b>2.322.199.778.719</b>	<b>5.774.849.874.291</b>

(i) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án (giai đoạn 2) là 1.752.053.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 30% và 70%. Dự án đã được cục quản lý công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày 14 tháng 01 năm 2020 và chính thức thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 5 tháng 7 năm 2021. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng.

(ii) Đây là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Dự án này được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác nhằm phát triển mảng kinh doanh bất động sản.

(iii) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội đã chính thức thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Quý 2 năm 2021*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**14. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront (i)	615.576.040.000	-	800.041.071.388	615.576.040.000	-	800.041.071.388

(i) Số dư thể hiện giá trị của 24.003.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront được nắm giữ cho mục đích bán kiếm lời. Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia, công ty con do CII sở hữu 100%, đã ký hợp đồng chuyển nhượng 24.002.700 cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần City Garden với giá trị là 800.041.071.388 đồng. Cổ phiếu sẽ được chính thức chuyển nhượng cho bên mua khi các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các điều kiện tiên quyết được quy định cụ thể trong hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng khung và các thỏa thuận khác đã ký kết giữa các bên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	824.195.992.628	908.383.101	-	809.096.814.546	908.383.101	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	103.344.000.000	62.835.405.610	-	103.344.000.000	56.772.242.336	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	-	4.298.086.861	(4.298.086.861)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	4.579.636.245	(4.579.636.245)	-	4.579.636.245	(4.579.636.245)	-
<b>Cộng</b>	<b>936.417.715.734</b>	<b>54.866.065.605</b>	<b>-</b>	<b>921.318.537.652</b>	<b>48.802.902.331</b>	<b>-</b>
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ</b>			<b>991.283.781.339</b>			<b>970.121.439.983</b>

Giá trị hợp lý của các công ty liên doanh, liên kết không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
*Quý 2 năm 2021*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Giá trị ghi nhận đầu kỳ</b>	<b>970.121.439.983</b>	<b>1.139.287.176.228</b>
<b>Thay đổi trong kỳ</b>	<b>21.162.341.356</b>	<b>(202.317.909.742)</b>
Phân lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	6.063.163.274	(11.029.429.907)
<i>Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>37.023.163.274</i>	<i>25.090.570.093</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(30.960.000.000)</i>	<i>(36.120.000.000)</i>
Tăng vốn trong công ty liên doanh, liên kết	15.099.178.082	10.387.468.494
Tái cấu trúc khoản đầu tư	-	(189.736.813.139)
Điều chỉnh khác	-	(11.939.135.190)
<b>Giá trị ghi nhận cuối kỳ</b>	<b>991.283.781.339</b>	<b>936.969.266.486</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn RiverFront	187.793.610.000	-	-	187.793.610.000	-	-
Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	-	143.153.395.000	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City	20.400.000.000	-	-	20.400.000.000	-	-
Công ty TNHH Golden Real Estate	19.998.000.000	-	-	19.998.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hifill	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam	-	-	-	1.100.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>409.045.005.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>409.046.105.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>-</b>

Giá trị hợp lý của các công ty không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	38.404.166.875	38.404.166.875	54.534.305.806	54.534.305.806
<b>b. Dài hạn</b>				
Trái phiếu ngân hàng	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.510.000.000</b>	<b>26.510.000.000</b>	<b>26.510.000.000</b>	<b>26.510.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**15. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Lãi vốn chủ sở hữu dự án B.O.T (i) VND	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (ii) VND	Dự phòng tổn thất đầu tư trong công ty con VND	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Cộng VND
<b>a. Tài sản thuế hoãn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>212.487.475.432</b>	-	-	<b>11.610.192.762</b>	<b>224.097.668.194</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(56.295.749.838)	-	-	(12.815.645.534)	(69.111.395.372)
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>268.783.225.270</b>	-	-	<b>24.425.838.296</b>	<b>293.209.063.566</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(13.633.994.043)	-	-	78.985.607	(13.555.008.436)
Tăng khác	-	-	-	(55.176.000)	(55.176.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>282.417.219.313</b>	-	-	<b>24.402.028.689</b>	<b>306.819.248.002</b>
<b>b. Thuế hoãn lại phải trả</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	<b>9.966.098.114</b>	<b>28.601.333.487</b>	<b>151.997.406.833</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	5.707.479.781	(12.398.015.516)	(6.690.535.735)
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	<b>15.673.577.895</b>	<b>16.203.317.971</b>	<b>145.306.871.098</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	750.973.304	11.363.420.434	12.114.393.738
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	-	<b>113.429.975.232</b>	<b>16.424.551.199</b>	<b>27.566.738.405</b>	<b>157.421.264.836</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>					<b>(1.440.614.698)</b>

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**15. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

(i) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.435.767.405.708 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 282.417.219.313 đồng.

(ii) Đây là thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu tại ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

**16. Lợi thế thương mại****Biến động của lợi thế thương mại trong kỳ**

	Giá trị ghi sổ VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	<u>2.571.469.443.106</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021	1.224.637.577.800
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	119.305.512.013
Tại ngày 30/06/2021	<u>1.343.943.089.813</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	1.346.831.865.306
Tại ngày 30/06/2021	<u>1.227.526.353.293</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây dựng	48.062.932.259	48.062.932.259	46.262.765.576	46.262.765.576
Các nhà cung cấp khác	304.639.083.752	304.639.083.752	342.440.313.606	342.440.313.606
<b>Cộng</b>	<b>352.702.016.011</b>	<b>352.702.016.011</b>	<b>388.703.079.182</b>	<b>388.703.079.182</b>

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Thu tiền theo tiến độ khách hàng mua bất động sản	1.554.005.729.618	1.453.623.515.844
Các khách hàng khác	127.185.962.713	152.142.690.015
<b>Cộng</b>	<b>1.681.191.692.331</b>	<b>1.605.766.205.859</b>
<b><i>Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan</i></b>		
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	105.400.539.593	124.417.522.155

(i) Đây là khoản ứng trước để thi công dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2021 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.769.329.670	2.402.934	2.835.567.940	4.602.494.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.125.133.142	595.356.820	1.235.822.611	24.765.598.933
Thuế thu nhập cá nhân	15.606.836	42.058.435	52.753.576	26.301.977
Các khoản khác	675.993.693	114.112.192	7.576.800	569.458.301
<b>Cộng</b>	<b>26.586.063.341</b>	<b>753.930.381</b>	<b>4.131.720.927</b>	<b>29.963.853.887</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	124.209.537.630	109.090.648.570	172.345.373.414	60.954.812.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.100.479.584	128.878.818.175	121.329.020.094	237.650.277.665
Thuế thu nhập cá nhân	15.329.332.862	13.145.881.956	14.103.725.481	14.371.489.337
Thuế nhà thầu	5.512.233.654	3.955.070.756	8.334.609.804	1.132.694.606
Các khoản khác	44.272.239.922	5.834.083.865	21.417.710.769	28.688.613.018
<b>Cộng</b>	<b>419.423.823.652</b>	<b>260.904.503.322</b>	<b>337.530.439.562</b>	<b>342.797.887.412</b>

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền sử dụng đất của các dự án (*)	321.000.000.000	321.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	45.513.875.386	53.393.647.148
Trích trước chi phí xây dựng bất động sản	50.818.120.316	100.671.307.071
Trích trước chi phí công trình xây lắp	27.715.768.716	19.007.534.830
Chi phí phát hành trái phiếu	46.564.314.445	33.715.442.092
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.690.338.286	4.200.233.041
<b>Cộng</b>	<b>501.302.417.149</b>	<b>531.988.164.182</b>

**(\*) Chi tiết chi phí sử dụng đất của các dự án phải trả:**

Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	201.000.000.000	201.000.000.000
Dự án Khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	120.000.000.000	120.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>321.000.000.000</b>	<b>321.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**21. Phải trả khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	733.187.877.279	916.899.655.860
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	644.277.767.363	643.693.193.906
Lãi vay phải trả	252.947.793.481	270.263.087.274
Các khoản thu hộ	72.742.950.991	32.218.997.989
Quỹ bảo trì căn hộ	57.726.284.022	54.848.672.097
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	26.869.293.140
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.715.442.368	4.075.935.271
Trái phiếu hết hạn chuyển đổi	7.787.000.000	7.808.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	451.000.000	800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.250.411.939	27.139.176.903
<b>Cộng</b>	<b>1.839.955.820.583</b>	<b>1.984.616.012.440</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	26.182.969.953	33.261.000.953
Quỹ bảo trì phải trả	947.085.036	947.085.036
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.051.922.364	8.479.620.364
<b>Cộng</b>	<b>37.181.977.353</b>	<b>42.687.706.353</b>
<b>Tổng cộng phải trả khác</b>	<b>37.181.977.353</b>	<b>42.687.706.353</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng HDBank	401.488.326.035	401.488.326.035	400.500.000.000	675.511.673.965	676.500.000.000	676.500.000.000
Ngân hàng VPBank	692.230.495.688	692.230.495.688	424.915.971.793	249.500.000.000	516.814.523.895	516.814.523.895
Ngân hàng BIDV	225.155.805.859	225.155.805.859	177.576.003.741	211.357.399.014	258.937.201.132	258.937.201.132
Ngân hàng VietinBank	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Các công ty chứng khoán	367.180.758.120	367.180.758.120	1.115.940.535.275	1.070.636.850.492	321.877.073.337	321.877.073.337
Các công ty và cá nhân khác	769.595.501.666	769.595.501.666	527.318.337.072	117.349.032.176	359.626.196.770	359.626.196.770
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	874.495.254.015	874.495.254.015	-	-	674.811.055.021	674.811.055.021
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	1.073.431.121.705	1.073.431.121.705	-	-	470.844.375.002	470.844.375.002
Nợ tài chính đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	78.233.766	78.233.766	-	-	520.503.714	520.503.714
<b>Cộng</b>	<b>4.426.655.496.854</b>	<b>4.426.655.496.854</b>	<b>2.646.250.847.881</b>	<b>2.324.354.955.647</b>	<b>3.302.930.928.871</b>	<b>3.302.930.928.871</b>

**Trong đó, cho vay là bên liên quan**

Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	92.243.595.896	92.243.595.896	121.489.628.072	29.246.032.176	-	-
------------------------	----------------	----------------	-----------------	----------------	---	---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.676.732.202.468</b>	<b>6.676.732.202.468</b>	<b>720.518.792.039</b>	<b>404.811.936.143</b>	<b>6.560.709.545.566</b>	<b>6.560.709.545.566</b>
Ngân hàng Vietinbank	3.493.677.711.129	3.493.677.711.129	-	61.324.000.000	3.555.001.711.129	3.555.001.711.129
Ngân hàng BIDV	1.442.816.444.707	1.442.816.444.707	6.814.975.515	10.629.709.103	1.446.631.178.295	1.446.631.178.295
Ngân hàng TPBank	701.449.837.229	701.449.837.229	125.132.170.562	268.833.337.231	845.151.003.898	845.151.003.898
Ngân hàng HDBank	442.032.573.002	442.032.573.002	392.032.573.002	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng VPBank	356.458.817.289	356.458.817.289	95.186.744.000	6.768.878.949	268.040.952.238	268.040.952.238
Ngân hàng ACB	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Ngân hàng ADB	3.297.699.014	3.297.699.014	-	549.617.000	3.847.316.014	3.847.316.014
Vay các cá nhân và tổ chức khác	1.069.494.374.113	1.069.494.374.113	101.352.328.960	56.706.393.860	1.024.848.439.013	1.024.848.439.013
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(874.495.254.015)	(874.495.254.015)			(674.811.055.021)	(674.811.055.021)
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>494.425.795</b>	<b>494.425.795</b>	<b>-</b>	<b>78.233.766</b>	<b>130.389.613</b>	<b>130.389.613</b>
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Đà Nẵng	572.659.561	572.659.561	-	78.233.766	650.893.327	650.893.327
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(78.233.766)	(78.233.766)			(520.503.714)	(520.503.714)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>6.396.808.541.062</b>	<b>6.462.932.000.000</b>	<b>1.060.856.216.151</b>	<b>775.944.000.000</b>	<b>6.714.483.071.614</b>	<b>6.774.876.000.000</b>
Trái phiếu CIIBOND2020_02	1.995.916.666.665	2.000.000.000.000	1.166.666.666	-	1.994.749.999.999	2.000.000.000.000
Trái phiếu CIH012029_G	1.124.078.640.046	1.150.000.000.000	1.728.090.664	-	1.122.350.549.382	1.150.000.000.000
Trái phiếu CIIBOND2020-04	798.293.333.332	800.000.000.000	426.666.666	-	797.866.666.666	800.000.000.000
Trái phiếu CIIB2124001	561.281.750.000	590.000.000.000	561.281.750.000	-	-	-
Trái phiếu CII-H-20-23-006	540.760.606.059	550.000.000.000	2.309.848.484	-	538.450.757.575	550.000.000.000
Trái phiếu CIIB2024009	479.000.000.000	500.000.000.000	3.500.000.000	-	475.500.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu CII_C_BOND2020	387.492.000.000	392.932.000.000	640.000.000	944.000.000	387.796.000.000	393.876.000.000
Trái phiếu BOND.CII.2020.01	296.625.000.000	300.000.000.000	2.250.000.000	-	294.375.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu NBBH2124001	280.000.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu CII052022	259.042.500.000	261.000.000.000	978.750.000	-	258.063.750.000	261.000.000.000
Trái phiếu CII072022	198.666.666.665	200.000.000.000	666.666.666	-	197.999.999.999	200.000.000.000
Trái phiếu CII 102021	199.375.000.000	200.000.000.000	1.250.000.000	-	198.125.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu CIIH2122001	199.895.000.000	200.000.000.000	199.895.000.000	-	-	-
Trái phiếu CIIBOND2020-01	149.812.500.000	150.000.000.000	437.500.000	100.000.000.000	249.375.000.000	250.000.000.000
Trái phiếu CII_Bond2019_01	-	-	1.393.597.000	370.000.000.000	368.606.403.000	370.000.000.000
Trái phiếu CIIBOND2020_03	-	-	2.172.380.000	220.000.000.000	217.827.620.000	220.000.000.000
Trái phiếu phát hành cho VIB	-	-	759.300.005	85.000.000.000	84.240.699.995	85.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.073.431.121.705)	(1.111.000.000.000)			(470.844.375.002)	(505.000.000.000)
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>13.074.035.169.325</b>	<b>13.140.158.628.263</b>	<b>1.781.375.008.190</b>	<b>1.180.834.169.909</b>	<b>13.275.323.006.793</b>	<b>13.335.715.935.179</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Lịch thanh toán của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	874.573.487.781	675.331.558.735
Trong năm thứ hai	1.110.161.662.209	1.146.535.903.997
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.388.496.302.479	2.792.274.046.265
Sau năm năm	3.178.568.663.575	2.622.029.984.917
	<b>7.551.800.116.044</b>	<b>7.236.171.493.914</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(874.573.487.781)	(675.331.558.735)
<b>Cộng</b>	<b>6.677.226.628.263</b>	<b>6.560.839.935.179</b>

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu thường

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.111.000.000.000	505.000.000.000
Trong năm thứ hai	2.200.000.000.000	1.381.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.112.932.000.000	4.243.876.000.000
Sau năm năm	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
	<b>7.573.932.000.000</b>	<b>7.279.876.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.111.000.000.000)	(505.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(66.123.458.938)	(60.392.928.386)
<b>Cộng</b>	<b>6.396.808.541.062</b>	<b>6.714.483.071.614</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu CIIBOND2020\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 2.000 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 13 tháng 3 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu, cổ phần của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty;

*Trái phiếu CI1012029\_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 1 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án BOT trọng điểm của Công ty;
- Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm.

*Trái phiếu CIIBOND2020-04 với tổng mệnh giá phát hành là 800 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 800.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 28 tháng 7 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu, vốn góp của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CIIB2124001 với tổng mệnh giá phát hành là 590 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.900.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 13 tháng 4 năm 2021;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,2%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,22%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: thanh toán trước hạn trái phiếu CII\_Bond2019\_01 và thanh toán cho trái phiếu CIIBOND2020\_03.

*Trái phiếu CII-H-20-23-006 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 550.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 27 tháng 8 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, nhưng không thấp hơn 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty, quyền phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư số 29/2020/HĐ-CII ngày 14/08/2020 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CIIB2024009 với tổng mệnh giá phát hành là 500 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 28 tháng 12 năm 2020;
- Kỳ hạn: 42 tháng;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 10,3%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,025%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CII\_C\_BOND2020 với tổng mệnh giá phát hành là 393.876.000.000 VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 393.876;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 11 năm 2020;
- Kỳ hạn: 5 năm;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Thời gian chuyển đổi: 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Đây là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu trong đó tỷ lệ chuyển đổi phụ thuộc vào thời điểm trái chủ thực hiện chuyển đổi.

Công ty đã tiến hành 1 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 944, tương đương tổng mệnh giá là 944.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 41.426 cổ phiếu.

*Trái phiếu BOND.CII.2020.01 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 12 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu NBBH2124001 với tổng mệnh giá phát hành tối đa là 500 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 2.800, tương đương tổng mệnh giá 280 tỷ đồng;
- Trái chủ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 11 tháng 6 năm 2021;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, các kỳ sau lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu của công ty con thuộc sở hữu của Công ty. Tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai tại Dự án khu dân cư Sơn Tịnh và các tài sản đảm bảo khác;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các Dự án trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CII052022 với tổng mệnh giá phát hành là 261 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.610.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 21 tháng 5 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII072022 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII102021 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 24 tháng 10 năm 2019;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Trái phiếu CIH2122001 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 5 năm 2021;
- Kỳ hạn: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho Dự án BOT Mờ rộng Xa lộ Hà Nội.

*Trái phiếu CIIBOND2020-01 với tổng mệnh giá phát hành là 250 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 1 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho kỳ đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần và 3 hoặc 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại lô 3.15.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã mua lại trước hạn 1.000 trái phiếu với tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.576.430.045</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>228.332.974.388</b>	<b>2.434.439.690.283</b>	<b>3.551.264.730.635</b>	<b>8.624.957.556.298</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	254.947.992.200	124.361.047.176	379.309.039.376
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ (Lỗ)/lãi khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(175.510.116.869)	-	-	-	-	(175.510.116.869)
NCI góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	4.003.845.221	(222.695.889.486)	(218.692.044.265)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	103.157.600	103.157.600
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	11.210.255.202	(51.402.008.121)	(10.849.853.334)	(51.041.606.253)
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	(4.298.086.860)	(4.298.086.860)
Tăng/(giảm) khác	-	(3.320.629)	-	-	-	(3.313.833.836)	2.056.566.845	(1.260.587.620)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.573.109.416</b>	<b>(1.027.507.990.369)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>239.543.229.590</b>	<b>2.638.675.685.747</b>	<b>3.266.903.406.751</b>	<b>8.380.529.045.582</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(1.025.068.606)	93.739.662.641	92.714.594.035
(Lỗ)/lãi khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	(41.750.738.898)	(31.622.789.196)	(73.373.528.094)
Công ty con mua cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(16.366.872.780)	(343.155.843.057)	(359.522.715.837)
Hợp nhất công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	298.830.167	298.830.167
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(238.838.282.000)	(8.187.036)	(238.846.469.036)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	6.409.320.839	(25.638.862.579)	(1.774.318.985)	(21.003.860.725)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(4.578.430.630)	9.394.332.357	4.815.901.727
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.573.109.416</b>	<b>(1.027.507.990.369)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>245.952.550.429</b>	<b>2.310.477.430.254</b>	<b>2.993.775.093.642</b>	<b>7.785.611.797.819</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>424.573.109.416</b>	<b>(1.027.507.990.369)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>245.952.550.429</b>	<b>2.310.477.430.254</b>	<b>2.993.775.093.642</b>	<b>7.785.611.797.819</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	17.332.652.938	87.566.324.966	104.898.977.904
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	414.260.000	529.740.000	-	-	-	-	-	944.000.000
(Lỗ)/lãi khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	(22.249.635.629)	(22.345.106.295)	(44.594.741.924)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(11.660.065.703)	(11.660.065.703)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	13.390.054.682	(63.049.152.011)	(3.647.062.636)	(53.306.159.965)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(2.979.553.388)	4.319.679.943	1.340.126.555
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.832.095.780.000</b>	<b>425.102.849.416</b>	<b>(1.027.507.990.369)</b>	<b>6.660.084.447</b>	<b>259.342.605.111</b>	<b>2.239.531.742.164</b>	<b>3.048.008.863.917</b>	<b>7.783.233.934.686</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	283.209.578	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	283.209.578	283.168.152
+ Cổ phiếu phổ thông	283.209.578	283.168.152
Số lượng cổ phiếu đã mua lại		
(cổ phiếu quỹ)	(44.329.870)	(44.329.870)
+ Cổ phiếu phổ thông	(44.329.870)	(44.329.870)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	238.879.708	238.838.282
+ Cổ phiếu phổ thông	238.879.708	238.838.282

**c. Cổ tức**

Cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 2 tháng 6 năm 2020 phê duyệt với tỷ lệ 12%. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2019 với tỷ lệ chi trả 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

Cổ tức năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23 tháng 4 năm 2021 phê duyệt với tỷ lệ 12%.

Cổ tức năm 2021 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 12%. Tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, việc chi trả cổ tức có thể bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	1.153.518.168.533	449.264.116.831
Doanh thu thu phí giao thông	554.805.975.448	348.023.790.012
Doanh thu từ hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	180.091.466.375	201.585.426.107
Doanh thu cung cấp nước sạch	100.300.495.245	94.850.406.184
Doanh thu bán hàng	42.499.899.302	38.719.560.758
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	3.962.983.640	4.739.944.549
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.644.203.914	14.735.389.265
	<b>2.062.823.192.457</b>	<b>1.151.918.633.706</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(30.419.086.472)	(10.249.880.308)
Hàng bán bị trả lại	-	(13.814.369.250)
	<b>(30.419.086.472)</b>	<b>(24.064.249.558)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.032.404.105.985</b>	<b>1.127.854.384.148</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan*

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	154.099.757.235	202.971.500.259
--	-----------------	-----------------

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	792.056.608.751	217.127.291.607
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	214.823.600.456	119.412.907.329
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	162.052.547.540	185.261.593.688
Giá vốn cung cấp nước sạch	106.887.402.233	102.737.190.769
Giá vốn hàng đã bán	35.411.194.611	39.640.268.727
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	2.751.681.610	3.320.935.465
Giá vốn cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	21.923.831.302	14.025.847.077
<b>Cộng</b>	<b>1.335.906.866.503</b>	<b>681.526.034.662</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.852.738.157	150.855.008.364
Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (i)	120.000.000.000	-
Lãi bảo toàn vốn chủ theo hợp đồng BOT	90.597.991.513	150.870.271.851
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.960.000.000	44.302.280.000
Thu nhập tài chính khác từ hợp đồng BOT	1.100.051.648	-
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	480.656.012.170
Doanh thu tài chính khác	600.895.945	11.850.823
<b>Cộng</b>	<b>434.111.677.263</b>	<b>826.695.423.208</b>

*Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	100.696.365.179	69.079.442.869
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	30.960.000.000	36.120.000.000
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	-	199.358.101
<b>Cộng</b>	<b>131.656.365.179</b>	<b>105.398.800.970</b>

(i) Thu nhập từ chuyển nhượng 25% quyền tham gia dự án đầu tư Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	531.102.132.286	443.369.151.794
Chi phí hợp tác đầu tư dự án Khu dân cư Sơn Tịnh (i)	56.464.371.535	74.651.007.100
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	51.751.741.016	46.448.611.718
Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu	-	2.762.053.586
Chi phí tài chính khác	9.907.610.572	6.994.689.628
<b>Cộng</b>	<b>649.225.855.409</b>	<b>574.225.513.826</b>

(i) Đây là khoản lợi nhuận dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi phân chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City liên quan đến việc hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh như đã trình bày tại thuyết minh số V.7.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	12.006.389.621	11.646.663.490
Chi phí môi giới, hoa hồng	6.052.849.849	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.511.051	252.696.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	13.876.498.339	6.060.595.713
<b>Cộng</b>	<b>32.639.248.860</b>	<b>17.959.955.749</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	46.132.485.838	48.675.080.724
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.628.424.158	2.379.110.730
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	38.385.937.580	39.364.549.010
Thuế, phí và lệ phí	1.723.525.694	3.051.200.920
Chi phí dự phòng	6.674.200.301	15.120.982.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.004.890.386	14.641.242.663
Phân bổ lợi thế thương mại	119.305.512.013	119.305.512.014
Chi phí bằng tiền khác	8.499.493.269	15.416.848.794
<b>Cộng</b>	<b>240.354.469.239</b>	<b>257.954.527.778</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thu nhập từ bồi hoàn tiền sử dụng đất	14.046.884.395	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng và chậm thanh toán	3.017.123.988	5.760.965.417
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	601.577.027	380.365.801
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	-	14.000.000.000
Thu nhập khác	5.264.036.025	4.688.653.142
<b>Cộng</b>	<b>22.929.621.435</b>	<b>24.829.984.360</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

8. Chi phí khác	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	2.150.905.405	1.111.901.772
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	7.341.842.281
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	2.298.684.340	2.695.631.796
<b>Cộng</b>	<b>4.449.589.745</b>	<b>11.149.375.849</b>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	128.811.217.735	83.660.366.569
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	(12.782.883.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	662.957.260	-
<b>Cộng</b>	<b>129.474.174.995</b>	<b>70.877.483.395</b>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	17.332.652.938	254.947.992.200
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(866.632.647)	(12.747.399.610)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.466.020.291</b>	<b>242.200.592.590</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	238.850.870	243.642.738
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>69</b>	<b>994</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2021**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Ngày 9 tháng 4 năm 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("NBB") chính thức trở thành công ty con của Công ty. Trước đó, vào ngày 23 tháng 3 năm 2018 đã xảy ra vụ cháy Chung cư Carina Plaza, tọa lạc tại số 1648 đường Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chung cư Carina do Công ty Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh ("Công ty Hùng Thanh") - một công ty con do NBB sở hữu 95% vốn điều lệ - là chủ đầu tư và được quản lý vận hành bởi một bên thứ ba. Nguyên nhân xảy ra vụ cháy là do khách quan vì chạm chập điện của xe máy theo Thư thông báo kết luận giám định số 1732/TB-PC44-Đ3 ngày 9 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Các nghĩa vụ pháp lý và trách nhiệm đền bù thiệt hại liên quan đến vụ việc này đang được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và làm rõ. Từ năm 2018 đến nay, Công ty Hùng Thanh với sự hỗ trợ tài chính từ NBB, đã chi tạm ứng tiền đền bù thiệt hại và khắc phục hậu quả cho vụ việc nêu trên với tổng số tiền là 108.565.750.348 đồng (trình bày tại Thuyết minh V.5). Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa ghi nhận chi phí và dự phòng nghĩa vụ phải trả liên quan đến vụ việc này do kết quả sau cùng hiện chưa xác định được vì còn chờ kết luận chính thức từ các cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.20, Công ty đã ước tính một cách hợp lý nhất chi phí tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside và Dự án City Gate Towers với giá trị lần lượt là 201 tỷ đồng và 120 tỷ đồng. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn chưa quyết toán được tiền sử dụng đất để nộp Ngân sách Nhà Nước. Do đó, tiền sử dụng đất của các dự án này có thể chênh lệch với giá trị mà Công ty đã ước tính và ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Quý 2 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số I - Cấu trúc Công ty. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</b>		
Hỗ trợ vốn	87.500.000.000	459.000.000.000
Góp vốn	15.099.178.082	10.387.468.494
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp</b>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.960.000.000	36.120.000.000
Nhận tiền cổ tức	30.960.000.000	10.320.000.000
Cán trừ cổ tức phải thu và nợ vay phải trả	-	25.800.000.000
<b>Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	121.489.628.072	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	29.246.032.176	-
<b>Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ</b>		
	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lương	3.508.492.565	3.319.040.000
Thưởng	2.827.882.609	4.014.999.999
<b>Cộng</b>	<b>6.336.375.174</b>	<b>7.334.039.999</b>

Mai Thị Thu Phương  
Người lập biểu

Mai Thị Thu Phương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021